Tạp chí Di sản Văn hóa số 9 (năm 2004)

Qua những "hoá thạch ngoại biên" về văn hoá ở Thanh Hoá

HOÀNG MINH TƯỜNG*

Trải nhiều nghìn năm lịch sử, Thanh Hoá hầu như không hề chia tách, kể từ quận Cửu Chân, một trong mười lăm bộ theo sự phân chia hành chính được coi là dưới thời các vua Hùng. Ngay trong thời kỳ quân chủ chuyên chế, danh xưng Thanh Hoá (thời Lý - Thuận Thiên) đã được định danh, trải qua các triều đại có lúc Thanh Hoá được đổi thành Thanh Đô, Tây Đô, Thanh Hoa, Thanh Hoá rồi trở về định danh là tỉnh Thanh Hoá (năm Thiệu Trị thứ nhất – 1841) và tồn tại đến hôm nay.

Không phải không có căn cứ mà viên Toàn quyền Đông Dương P.Pasquier đã coi Thanh Hoá không chỉ là một tỉnh mà là một xứ (Pays). Xứ Thanh với cái nhìn địa văn hoá là một vùng địa lý, tự nhiên - văn hoá có tính tương đối khu biệt nằm giữa Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, qua quá trình giao lưu tiếp biến, mảnh đất xứ Thanh đã từng in dấu về đời sống vật chất, tinh thần của người dân Việt mà các địa phương khác trong cả nước đến nay còn ít giữ được những yếu tố văn hoá đặc sắc của dân tộc như ở tỉnh Thanh.

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã ví Thanh Hoá như hình ảnh của đất nước Việt Nam thu nhỏ lại: Bởi xứ Thanh có đủ 4 vùng địa lý kinh tế đặc thù: Miền núi, miền biển, đồng bằng và trung du. Vùng đất này có truyền thống văn hoá lâu đời không đứt quãng, xuyên suốt từ thời đại sơ kỳ đồ đá cũ (núi Đọ), thời kỳ đá cũ hậu kỳ (di chỉ hang con Moong), thời đại đá mới (di chỉ Đa Bút), sơ kỳ đồ đồng (di chỉ Hoa Lộc) và thời kỳ dựng nước (các di chỉ thuộc văn hoá Đông Sơn), cho tới thời kỳ độc lập tự chủ, xứ Thanh luôn là "sân khấu chính trị" của các thời. Nói đến xứ Thanh, người ta luôn nhắc đến các anh hùng hào kiệt đã làm rạng danh cho không chỉ riêng xứ Thanh mà là niềm tự hào của cả dân tộc như: Bà Triệu, Lê Hoàn, Lê Lợi... và cả những danh nhân văn hoá tiêu biểu như: Khương Công Phụ, Lê Văn Hưu, Lương Đắc Bằng, Đào Duy Từ... chính

* PGĐ SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN - THANH HOÁ.

họ biểu hiện cho những giá trị văn hoá Việt nói chung và sắc thái văn hoá xứ Thanh nói riêng.

Nếu như con sông Hồng là gốc của nền văn minh Việt nói chung thì sông Mã tỉnh Thanh cũng góp phần làm cho văn minh Việt phát triển rực rỡ với nền văn hoá Đông Sơn nổi tiếng. Những yếu tố địa - chính trị - văn hoá vừa hoà với cái chung lại vừa làm nên sắc thái đặc thù riêng của tỉnh Thanh

Với vị trí mở, nơi giao lưu của các luồng văn hoá Đông Nam Á, Ấn Độ, Trung Hoa,... Thanh Hoá từ xa xưa đã là nơi gặp gỡ và thông thương với nhiều nền văn hoá bên ngoài. Mảnh đất này từng là đất "thang mộc", đất "quân vương" của các ông vua, bà chúa đứng đầu các triều đại quân chủ Việt Nam. Xứ Thanh có lúc là Tây Đô của nhà Hồ, Lam Kinh của nhà Lê, và thời Lê Trung Hưng là Kinh Đô Vạn Lai, nhờ đó mà xứ Thanh có sự ảnh hưởng và tiếp cận văn hoá, tôn giáo tín ngưỡng chính thống của các triều đại đương thời, ngược lại, địa phương và yếu tố trội của văn hoá xứ Thanh cũng lan toả và hoà quyện vào văn hoá Việt. Từ nhiều thế kỷ trước và đặc biệt là thế kỷ XV trở đi, những lưu dân của xứ Thanh đã theo các vua chúa Lê, Trịnh, Nguyễn... ra Bắc vào Nam, tiên phong trong việc giữ vững cương vực đất nước và mở mang bờ cõi, chính họ đã góp phần tích cực mang theo những sắc thái văn hoá tỉnh Thanh đến vùng đất mới.

Là vùng đất phát vương của các triều đại Tiền Lê, Hồ, Hậu Lê, Trịnh, Nguyễn, chịu ảnh hưởng trực tiếp của văn hoá cung đình đồng thời cũng du nhập các lối sống của Kinh Đô, nhưng xứ Thanh lại không nằm trong tứ trấn (nội kinh) như: xứ Bắc, xứ Đông, xứ Đoài, xứ Nam mà lại ở vùng ngoại vi của trung tâm văn hoá chính trị Thăng Long. Đến thời Nguyễn xứ Thanh cũng ở xa Kinh Đô Huế. Với vị trí xa trung tâm chính trị của cả nước, nên trình độ phát triển kinh tế - xã hội có phần thấp hơn, ảnh hưởng giao lưu văn hoá với khu vực và Trung Hoa có phần bị hạn chế hơn, chính vì vậy xứ Thanh vẫn còn lưu giữ lại được nhiều yếu tố văn hoá Việt cổ hơn chốn kinh kỳ vùng Bắc Bộ, phải chăng đó là những biểu hiện hoá thạch ngoại biên về văn hoá mà các nhà khoa học từng nói tới.

Hoá thạch ngoại biên về văn hoá chính là lý thuyết về sự lan toả và phát tán của văn hoá ở trung tâm. Qua quá trình vận động, biến đổi phát triển, "trung tâm" đã mang đến cho những vùng phụ cận, xa "trung tâm" những ảnh hưởng về văn hoá và đã được lưu giữ lại. Qua thời gian, văn hoá ở trung tâm có nhiều biến động và sự đổi thay nhanh chóng đã ít nhiều hoặc không còn giữ được những giá trị văn hoá ban đầu, trong khi đó, những "hoá thạch văn hoá" ở vùng ngoại biên lại biến đổi chậm. Chính vì vậy, những hoá thạch ngoại biên về văn hoá này giúp cho việc nhận diện, nghiên cứu về văn hoá cổ của một thời đã qua của dân tộc được đầy đủ và dễ dàng hơn.

Nằm ở ngoại vi của Thăng Long và Huế, xứ Thanh ít nhiều vẫn chịu ảnh hưởng của văn hoá Kinh Đô, song nơi đây cũng lưu lại những yếu tố văn hoá mà dòng chảy của lịch sử đã không hề xoá nhoà được nó, những hoá thạch ngoại biên đó tạo sức cuốn hút giới nghiên cứu về văn hoá, lịch sử tìm về nguồn cội để thấy những dấu ấn lịch sử văn hoá đặc sắc của ông cha.

Nếu như đồng bằng Bắc Bộ là cái nôi hình thành dân tộc Việt, thì ở xứ Thanh, đồng bằng sông Mã, cũng lưu giữ những câu chuyên cổ từ thuở hồng hoang với các huyền thoại về ông khổng lồ đào sông, cõng núi, mở xóm dựng làng, làm nên non sông đất Việt, qua những anh hùng có tên và không tên. Truyền thuyết về Thánh Gióng, Sơn Tinh của Bắc Bộ theo dòng chảy của văn hoá Việt đến xứ Thanh còn in trên miền đất này với tục thờ thần núi Tản, thờ Thánh Gióng ở núi Sóc - Vĩnh Lộc hay ở làng Ngô - Thạch Lập, Ngọc Lặc, truyền thuyết cùng đền thờ An Dương Vương và Trọng Thuỷ ở Quảng Xương - Tĩnh Gia, truyền thuyết thần Đồng Cổ ở Yên Định, truyền thuyết nàng Vọng Phu (núi Nhồi - Đông Sơn) đã theo mô típ của "đất tổ" đồng bằng Bắc Bộ mà in đậm vào tâm thức người dân xứ Thanh. Đây là những "mảnh vỡ" của những câu chuyện cổ sơ, mà qua đó, giúp cho những nhà nghiên cứu có thể phục dựng được hệ thống truyền thuyết, truyện cổ của dân tộc.

Về tên gọi, Thanh Hoá cũng như ở Bắc bộ, làng Thanh Hoá có các tên gọi: kẻ, xá,

trang, hương, phường, vạn. Từ "kẻ" bắt nguồn từ tiếng Mường "quel". Ngày nay, từ "kẻ" còn được nhiều làng xã tỉnh Thanh gọi: kẻ Rị, kẻ Chè, kẻ Lở, kẻ Lào, kẻ Xộp, kẻ Mơ, kẻ Trường, kẻ Mom...

"Ai về kẻ Rị nhắn chị hàng thừng
Chăm chắp ngàn nối xin đừng quên nhau"...

Tên gọi xá: Ngô xá, Mao xá, Mai xá, Lê xá, Phú xá, Y xá...

Tên gọi phường: phường Vạn Nguyên, phường Mỹ Quan, phường Thương Xa...

Tên gọi vạn: Vạn Ái Thượng, vạn Biện Thượng, vạn Luật... Những tên gọi trên cho biết làng xã Thanh Hoá có nhiều tên gọi khá cổ đến nay vẫn được người dân sử dụng.

Về ngôn ngữ, giáo sư Trần Quốc Vượng nhận xét: "Người xứ Thanh có một cách phát âm tiếng Việt khó lẫn, không nhẹ lướt như tiếng Hà Nội xứ Bắc, không nặng - lặng trầm như tiếng Nghệ - xứ Trung. Xứ Thanh là sự mở đầu của "mô-tê-răng-rứa", của miền Trung, dân Hà Nội phải nghe lâu và phải học thì mới biết được".

Khẩu ngữ địa phương ở Thanh Hoá được nhà thơ Hồng Nguyên đưa vào trong bài thơ "Nhớ":

"Chúng tôi đi nhớ nhất câu ni
Dân chúng cầm tay lắc lắc
Độc lập nhớ rẽ viền chơi ví chắc"...

Những nhà nghiên cứu ngôn ngữ (ngữ âm học) khi tìm hiểu về ngôn ngữ Việt cổ bao giờ cũng lưu tâm tới Thanh Hoá. Trong phương ngữ, xứ Thanh có nhiều thổ ngữ. Phát âm của người tỉnh Thanh vốn có cùng chung gốc với Việt Mường, như phụ âm ghép: Blăng ? trăng, phụ âm đôi: "tr" bao giờ cũng được đọc thành "t": trời ? tời, "con tâu tắng buộc bờ te tụi"; "y" đọc thành "n", "ui" thành "un", "ê" thành "ên": "Bố em đi cấn (cấy), mẹ em đi cần (cày), chị em đi củn (củi) đến tún (tối) mới viền (về)...", từ xa xưa và đến hôm nay những ngôn từ này vẫn được người dân ở các làng quê và vùng chân núi Vĩnh Lộc, Thọ Xuân, Hà Trung, Thiệu Hoá,... sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.

Về tín ngưỡng dân gian, có thể nói, trên đất nước ta có bao nhiêu tín ngưỡng tiêu biểu, thì ở xứ Thanh cũng xuất hiện bằng ấy tín ngưỡng được người dân ngưỡng vọng và chiêm bái. Xin dẫn ra một vài tỉ dụ: Nếu như tín ngưỡng thờ Mẫu xuất hiện sớm và khá phổ biến ở nước ta, thì tín ngưỡng thờ Mẫu ở tỉnh Thanh cũng có mặt ở nhiều nơi và đa dạng. Người xứ Thanh thờ mẹ Âu Cơ, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thoải... Nơi đây nổi tiếng với "đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh". Nếu Phủ Giầy (Nam Định) là nơi phát tích của Mẫu Liễu Hạnh thì tỉnh Thanh có các điểm thờ Mẫu Liễu nổi tiếng là đền Sòng, phố Cát, Phủ Na, quanh năm thu hút nhiều người tới lễ bái. Ngoài ra trên đất Thanh còn có 48 điểm thờ Mẫu nghi thiên hạ - Liễu Hạnh.

Thanh Hoá là nơi phát tích Nội Đạo Tràng (Nội đạo chính tông) hay còn gọi là Đạo Đông. Đó là đạo phù thuỷ, sử dụng các phép thuật điều khiển âm binh để trừ tà ma chữa bệnh. Đạo này là hình thức tín ngưỡng khá độc đáo ở Thanh Hoá, xuất hiện từ thời Lê Trung Hưng, tồn tại đến tận những năm 1945 của thế kỷ XX, Đạo Đông còn lan tỏa đến cả Hà Nội.

Thần Độc Cước - vị thần một chân được nhân dân ở nhiều nơi phụng thờ. Cả nước có khoảng 300 điểm thờ Thần Độc Cước, riêng Thanh Hoá có 53 điểm thờ Thần. Song cho đến nay chỉ có đền thờ Thần Độc Cước ở Sầm Sơn - Thanh Hoá còn nguyên vẹn hơn cả. Ở nơi đây, bè mảng Sầm Sơn gắn với tín ngưỡng thờ Độc Cước cũng là loại phương tiện đi biển cổ xưa nhất vẫn còn được ngư dân dùng để ra khơi, vào lộng khai thác thuỷ sản.

Vùng núi và trước núi thờ Cao Sơn, vị thần núi có 414 làng lập đền thờ, vùng biển thờ Đông Hải Đại Vương Nguyễn Phục có 72 đền, thờ Tứ vị Thánh Nương có 94 đền. Mặc dù có sự giao thoa tín ngưỡng với các vùng miền khác trong cả nước và khu vực Đông Nam Á, song tín ngưỡng, tâm linh của người dân đất này vẫn mang đậm sắc thái xứ Thanh.

Trống đồng không phải chỉ xuất hiện ở Thanh Hoá mà có ở nhiều nơi trên đất nước ta, thế nhưng đền thờ trống đồng (đền Đồng Cổ) ở làng Đan Nê (Yên Thọ - Yên Định) là đền thờ điển hình xuất hiện ở xứ Thanh, theo tinh thần này nhà Lý đã dựng đền Đồng Cổ Thăng Long để thờ vọng.

Từ ngày xưa đến nay, Thanh Hoá vẫn còn lưu giữ được nhiều lễ tục phong phú và đặc sắc. Điều dễ nhận thấy là tín ngưỡng phồn thực khá phổ biến ở khắp mọi vùng miền, tiêu

biểu như: Trò Chụt, trò Lý Liên, tục chơi Hang Lãm... thể hiện khát vọng của nhân dân mong cho mùa màng, cây trái tốt tươi, vật nuôi sinh sôi nảy nở, dân khang vật thịnh.

Thanh Hoá còn là miền đất của giao lưu buôn bán xuôi ngược theo dòng Mã giang lắm thác nhiều ghềnh. Song, cũng chính nơi đây đã từng xuất hiện một loại chợ văn hoá làm đắm say lòng người nhiều thế hệ, đó là chợ Quan Hoàng - chợ tình mà nàng Nga mở hội kén chồng để rồi kết duyên cùng Hai Mối làm nên bản tình ca đẹp "Chuyện nàng Nga - Hai Mối", một thiên tình sử thấm đẫm tình người và ngân mãi trong lòng mỗi người Mường tỉnh Thanh khi mùa Xuân đến. Địa điểm mở chợ tình này là địa bàn sinh sống của cư dân Mường - Việt.

Nói đến Thanh Hoá là nói đến miền đất của dân ca, dân vũ phong phú, đa sắc mầu, là cái nôi của nhiều trò diễn dân gian như: Trò Xuân Phả, với hệ thống 8 trò diễn mang đậm yếu tố văn hoá cung đình gắn với các triều đại Đinh - Tiền Lê, Hậu Lê đã được dân gian hoá. Trò diễn xứ Thanh đặc sắc với trò: Ngũ Bôn, trò Chiềng, trò Rủn, chèo Chải, Múa Đèn. Đồng bào tộc ít người có trò diễn Pôồn Pôông, Kin chiêng boọc mạy, múa rùa, muá bát, múa chuông... nội dung của các trò diễn gắn với đời sống nông nghiệp, chứa đựng nội dung lịch sử, phản ánh phong tục tập quán của người dân tỉnh Thanh qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước.

Xứ Thanh nằm ở điểm đầu khu 4, điểm cuối khu 3, nhưng về dân ca, dân vũ, hò hát thì nơi đây luôn là điểm hội tụ và mang nhiều sắc thái của văn hoá Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Sông Mã không chỉ là con sông mang phù sa và nước ngọt tưới tốt ruộng đồng, mà còn là dòng sông văn hoá làm nên nền văn hoá Đông Sơn nổi tiếng. Sông Mã chảy qua nhiều địa phương của đất nước trước khi qua tỉnh Thanh đổ về biển cả, nhưng chỉ có ở xứ Thanh mới có điệu hò sông Mã, một loại dân ca sông nước độc đáo chở "câu hò ướt đẫm mồ hôi/bao đời vẫn đẩy trăng trôi với thuyền"... Nơi đây cũng đã từng xuất hiện tổ khúc dân ca gắn liền với mùa vụ cấy trồng, gắn liền với người dân "hai sương một nắng", đó là dân ca Đông Anh với lời ca đằm thắm "lên chùa bẻ một cành sen/ăn cơm bằng đèn đi cấy sáng trăng" kết hợp giữa hát, múa và động tác lao động phơi phới lạc quan yêu đời.

Thanh Hoá có một hình thức sân khấu độc đáo, đó là "hát bội" mà Bắc Bộ hầu như không có. Hát bội được các làng xã ven sông Mã và sông Chu (phần hạ lưu) đều trình diễn. Hát bội diễn ở đình trong các dịp lễ hội, đây là loại hình nghệ thuật mang gốc từ cung đình, song cũng mang nhiều yếu tố dân gian. Hát bội Thanh Hoá đã theo Đào Duy Từ vào miền Trung để sáng tạo ra tuồng Huế và có thể góp phần vào hát bội vùng xứ Quảng. Nơi đây là một trong những cái nôi của ca trù, một hình thức nghệ thuật tinh tế và cao siêu, hình thức hát nói này được người Thanh Hoá gọi là hát ca công, hát cửa đình. Theo truyền thuyết cây đàn đáy và nghệ thuật hát ca trù là do Đinh Lễ và vợ là nàng Bạch Hoa sáng tạo ra. Những làng hát ca công nổi tiếng đến nay vẫn còn lưu giữ được vốn nghệ thuật độc đáo của ông cha như: Ngọc Trung (Xuân Minh - Thọ Xuân), Bái Thuỷ (Yên Định), Hoa Trai (Tĩnh Gia)... Giữa ca trù Thanh Hoá với ca trù Lỗ Khê (Đông Anh - Hà Nội) và Cổ Đạm (Hà Tĩnh) có sự giao lưu liên kết với nhau. Ca trù Lỗ Khê có nguồn gốc từ Thanh Hoá, ông tổ ca trù ở Lỗ Khê không phải ai khác mà là vợ chồng Đinh Triết, con trai Đinh Lễ đã mang ca trù (hát cửa đình, ca công) Thanh Hoá ra đất Kinh Kỳ, Kẻ Chợ.

Là vùng đất Trung Bộ, không phải với những cánh đồng chiêm trũng quanh năm trắng nước như ở Thái Bình, Nam Định, Hà Nam... song vùng đất này cũng là một trong những cái nôi của trò rối nước, rối cạn, trong dân gian vẫn còn truyền lại:

Trò chiềng, vật Bộc, rối Si
Cơm đắp kẻ Lở, cơm thi kẻ Lào

Trò múa rối cổ truyền hiện còn ở làng Chuộc (Ngọc Trực) nay là Thiệu Tiến, Thiệu Hoá. Con rối được làm to bằng đứa trẻ lên 8 lên 10, trò rối làng Chuộc biểu diễn xong thì đốt con rối đi, đến khi nào cần diễn thì lại làm mới.

Về làn điệu hát chèo dấu ấn đậm nét vẫn còn lưu giữ trong tục hát thờ ở làng Mưng (Nông Cống), chèo cạn Hoằng Phượng, Phú Khê, (Hoằng Hoá); chèo Chải ở Thọ Xuân, Đông Sơn, Thiệu Hoá; chèo Ma ở các huyện miền núi Ngọc Lặc, Lang Chánh, Cẩm Thuỷ,

Thạch Thành... trong khi đó, ở Nghệ An - Hà Tĩnh, những địa phương giáp danh với xứ Thanh, không hề có. Tỉnh Thanh cũng như Hà Tĩnh - Nghệ An có hát ví, nhưng ở đây không phải là làn điệu ví dặm Nghệ Tĩnh mà là hát ví đồi chè, vừa ảnh hưởng của hát ví Nghệ Tĩnh, lại vừa ảnh hưởng của dân ca, hát xoan Phú Thọ, vùng đất tổ, trong khi đó Ninh Bình (Thanh Hoa ngoại trấn) lại không có loại hình hát ví này.

Truyện cười Thanh Hoá nổi lên với hệ thống các truyện: Trạng Quỳnh, Xiển Bột, Chúa Chổm... đặc sắc, vừa là sản phẩm của văn hoá dân gian lại vừa mang những yếu tố của văn hoá bác học, tích hợp những câu chuyện cười của cả nước nhưng vẫn mang những nét riêng của truyện cười tỉnh Thanh không lẫn vào đâu được.

Nghề đúc đồng ở xứ Thanh với nghệ thuật đúc trống đồng đã đạt tới đỉnh cao trong văn hoá Đông Sơn. Trên đất Thanh Hoá đến nay nghề đúc đồng, đúc trống, chế tác các nhạc cụ cồng chiêng... vẫn được thợ đúc đồng Trà Bồng (làng Chè, Thiệu Trung) Đông Sơn bảo lưu và phát huy.

Về nghệ thuật chạm khắc đá, thợ đá An Hoạch (làng Nhồi - Đông Sơn) vốn khéo tay hay nghề đã từng xây dựng và tạo tác nên nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng, như: Thành đá Tây Đô, nhà thờ đá Phát Diệm. Các nhạc cụ như: Khánh đá và hệ thống tượng, các con giống đá có ở đền chùa, lăng tẩm tại chùa Hoa Long, chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, lăng Nguyên Nghi, Lê Thì Hiến, Quận Đăng... cho thấy nghề điêu khắc đá đã kết tinh được những nét tinh tế của nghệ thuật chạm đá Việt.

Miền núi địa bàn rộng lớn chiếm 2/3 diện tích cả tỉnh, có 6 tộc người sinh sống, điều này tạo cho xứ Thanh sự đa dạng về văn hoá. ở tỉnh Thanh đã sưu tầm được 2 sử thi là "Đẻ đất đẻ nước" của người Mường và "Khăm Panh" của người Thái khá nổi tiếng. Sử thi Đẻ đất đẻ nước - một áng Mo đồ sộ với trên 2 vạn câu đã phản ánh quan niệm của người Mường - Việt cổ về tự nhiên, xã hội, con người. Các tác phẩm sử thi này giúp cho giới nghiên cứu, học thuật khám phá và tìm thấy những quan niệm và triết lý biện chứng về vũ trụ, con người, vòng đời, lễ tục, tín ngưỡng, phương thức sản xuất của con người vào buổi hồng hoang. Tộc người Mường ở Thanh Hoá, cho đến nay, vẫn còn giữ được dấu ấn ngôn ngữ, tín ngưỡng... và đặc biệt với nghệ thuật hoa văn thêu dệt và nghệ thuật sử dụng âm nhạc cồng chiêng "còn phả ra hương vị sơ sử" (chữ dùng của giáo sư Từ Chi).

Những biểu hiện hoá thạch ngoại biên về văn hoá trình bày ở trên đã chứng tỏ rằng tỉnh Thanh, miền đất mở trong hội nhập giao lưu, song xứ Thanh cũng ít bị biến đổi theo dòng lịch sử nên vẫn còn lưu giữ được những giá trị văn hoá cổ xưa của dân tộc, đồng thời cũng bảo tồn được các yếu tố và sắc thái văn hoá bản địa.

Nghiên cứu về sự hoá thạch ngoại biên qua văn hoá ở tỉnh Thanh là những nét chấm phá, phác thảo bước đầu, rất cần sớm được dầy công nghiên cứu hơn nữa, qua đó sẽ giúp cho việc tìm hiểu phát huy phong tục, tập quán, tín ngưỡng và sắc thái văn hoá tỉnh Thanh nằm trong dòng chảy văn hoá Việt Nam và khu vực thu được kết quả tốt hơn .

H.M.T

SUMMARY: THROUGH THE FOSSILIZATION OF CULTURE IN SURROUNDING AREAS OF THANH HOA PROVINCE

Basing on the results of field trips, the author concluded that the culture of a nation was originated from a specific centre such as the capital city, however throughout the development of the history, it has been more difficult for the centre to maintain the originality of the culture than its surrounding areas. The author provided evidences from culture in Thanh province to prove this argument.